

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng  
Dự án: Bổ sung thiết bị đóng cắt, phân đoạn và điều khiển xa khu vực các Đội  
quản lý điện Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Krông Ana, Krông Bông, LẮk, Cư Kuin,  
Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk năm 2026**

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 3948/QĐ-EVN CPC ngày 31/5/2025 của Tổng Công ty Điện lực miền Trung về việc ban hành Quy định khảo sát phục vụ thiết kế lưới điện phân phối trong Tổng Công ty Điện lực miền Trung;*

*Căn cứ Quyết định số 3961/QĐ-EVNCPC ngày 31/5/2025 của Tổng Công ty Điện lực miền Trung, về việc ban hành Quy định về công tác Thiết kế dự án lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tổng Công ty Điện lực miền Trung;*

*Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-HĐTV ngày 16/5/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Trung về việc ban hành Quy chế phân cấp của EVNCPC;*

*Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Điện lực Đắk Lắk, ban hành kèm theo Quyết định số 658/QĐ-HĐTV ngày 29/6/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Trung;*

*Căn cứ Quyết định số 6219/QĐ-EVNCPC ngày 07/08/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Trung về việc tạm giao kế hoạch ĐTXD năm 2026 - ĐLPC;*

*Căn cứ Quyết định số 2120/QĐ-ĐLPC ngày 12/08/2025 của Giám đốc Công ty Điện lực Đắk Lắk về việc tạm giao nhiệm vụ điều hành quản lý dự án các công trình ĐTXD ĐLPC năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 3077/QĐ-ĐLPC ngày 29/8/2025 của Giám đốc Công ty Điện lực Đắk Lắk, về việc giao nhiệm vụ thực hiện Gói thầu số 01/TV.05: Khảo sát, lập BCKTKT ĐTXD công trình Bổ sung thiết bị đóng cắt, phân đoạn và điều khiển xa khu vực các Đội quản lý điện Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Krông Ana, Krông Bông, LẮk, Cư Kuin, Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 3677/QĐ-ĐLPC ngày 15/9/2025 của Giám đốc Công ty Điện lực Đắk Lắk, về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế công trình Bổ sung thiết bị đóng cắt, phân đoạn và điều khiển xa khu vực các Đội quản lý điện Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Krông Ana, Krông Bông, LẮk, Cư Kuin, Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk năm 2026;*

*Căn cứ Hồ sơ BCKTKT ĐTXD công trình Bổ sung thiết bị đóng cắt, phân đoạn và điều khiển xa khu vực các Đội quản lý điện Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Krông Ana, Krông Bông, Lắk, Cư Kuin, Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk năm 2026, do Công ty Điện lực Đắk Lắk lập tháng 9/2025;*

*Căn cứ Báo cáo kiểm tra chất lượng hồ sơ BCKTKT ĐTXD công trình Bổ sung thiết bị đóng cắt, phân đoạn và điều khiển xa khu vực các Đội quản lý điện Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Krông Ana, Krông Bông, Lắk, Cư Kuin, Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk năm 2026 do Ban QLDA ĐTXD lập ngày 09/10/2025;*

*Căn cứ báo cáo thẩm định số 281/ĐT ngày 15/10/2025 về việc báo cáo kết quả thẩm định, phê duyệt BCKTKT-ĐTXD công trình: Bổ sung thiết bị đóng cắt, phân đoạn và điều khiển xa khu vực các Đội quản lý điện Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Krông Ana, Krông Bông, Lắk, Cư Kuin, Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk năm 2026;*

*Theo đề nghị tại tờ trình số 4973/TTr-ĐLPC ngày 14/10/2025 về việc thẩm định, phê duyệt BCKTKT-ĐTXD công trình: Bổ sung thiết bị đóng cắt, phân đoạn và điều khiển xa khu vực các Đội quản lý điện Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Krông Ana, Krông Bông, Lắk, Cư Kuin, EaH'Leo, tỉnh Đắk Lắk năm 2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Bổ sung thiết bị đóng cắt, phân đoạn và điều khiển xa khu vực các Đội quản lý điện Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Krông Ana, Krông Bông, Lắk, Cư Kuin, Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk năm 2026 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Bổ sung thiết bị đóng cắt, phân đoạn và điều khiển xa khu vực các Đội quản lý điện Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Krông Ana, Krông Bông, Lắk, Cư Kuin, Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk năm 2026.

2. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng): Hiện chưa áp dụng.

3. Người quyết định đầu tư: Ông Trần Văn Thuận.

4. Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Đắk Lắk.

5. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

5.1. Mục tiêu đầu tư:

- Hướng đến tự động hóa bảo vệ đóng cắt trên lưới điện trung áp nhằm đảm bảo vận hành linh hoạt, giảm thời gian thao tác, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và tăng hiệu quả kinh doanh mua bán điện.

5.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

STT	Tên hạng mục	ĐVT	Khối lượng
1	LBS lắp mới	bộ	38
2	LBS thay mới	bộ	01
3	LBS di chuyển	bộ	02
4	Recloser lắp mới	bộ	14

6. Tổ chức tư vấn lập BCKTKT-ĐTXD: Công ty Điện lực Đắk Lắk.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: tỉnh Đắk Lắk.
- Diện tích đất sử dụng: Lắp đặt trên lưới điện hiện có.

#### 8. Loại, nhóm dự án; Dự án nhóm C.

Loại và cấp công trình chính, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:  
 Loại công trình: Công trình năng lượng ( Đường dây và trạm biến áp) thuộc công trình công nghiệp; cấp công trình: công trình cấp 4; Thời hạn sử dụng công trình: 15 năm

#### 9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam tập I, II, III;
- Tổ chức thi công (TCVN-4055).
- TCVN2737-2023: Tải trọng và tác động ban hành kèm theo quyết định số 1341/QĐ-BKHCN ngày 29/06/2023;
- Tiêu chuẩn TCVN 5847-2016: Cột bê tông cốt thép;
- TCVN 5408 : 2007 về Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép.
- Quy phạm trang bị điện (Tập 1, Tập 2, Tập 3, Tập 4) ban hành kèm theo quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Bộ Công Nghiệp.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện ban hành kèm theo Thông tư số 41/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ Công Thương.
- Tiêu chuẩn cơ sở thiết bị lưới điện phân phối do EVN ban hành;
- Tiêu chuẩn kỹ thuật VTTB lưới điện 0,4-110kV trong Tổng công ty Điện lực miền Trung ban hành kèm theo quyết định số 178/QĐ-HĐTV ngày 14/3/2024 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực miền Trung;
- Quyết định số 3948/QĐ-EVN CPC ngày 31/5/2025 của Tổng công ty điện lực miền Trung về việc ban hành Quy định khảo sát phục vụ thiết kế lưới điện phân phối trong Tổng công ty Điện lực miền Trung;
- Quyết định 3961/QĐ-EVNCPC ngày 31/5/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Trung, về việc ban hành Quy định về công tác Thiết kế dự án lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tổng công ty Điện lực miền Trung;

#### 10. Chỉ tiêu kỹ thuật:

- Dao cắt có tải (LBS): Sử dụng LBS 24kV và các phụ kiện đi kèm, có khả năng điều khiển từ xa và giao tiếp với hệ thống SCADA bằng đường truyền Internet 4G/GPRS về TTĐK.
- Recloser (RE): Sử dụng RE 24kV và các phụ kiện đi kèm, có khả năng điều khiển từ xa và giao tiếp với hệ thống SCADA bằng đường truyền Internet 4G/GPRS về TTĐK.
- Cấp nguồn cho Recloser, LBS:
  - + Vị trí lắp đặt có lưới điện hạ áp của trạm biến áp công cộng: Sử dụng lưới điện hạ áp để cấp nguồn.

+ Các vị trí còn lại: Lắp đặt máy biến áp cấp nguồn.

- Bổ sung License IEC 104 và Process I/O dung lượng 2000 Datapoint để khai báo giao thức và tín hiệu từ các thiết bị về TTĐK và từ TTĐK về TTTTGS của EVNCPC.

- Tiếp địa: Loại cọc tia hỗn hợp. Tất cả các chi tiết đều được mạ kẽm nhúng nóng bề dày lớp mạ  $\geq 80\mu\text{m}$ . Điện trở nối đất đảm bảo theo các quy định hiện hành.

- Các giải pháp khác: Thống nhất theo hồ sơ BCKTKT.

\* Lưu ý về vật tư thiết bị sử dụng cho công trình: Sử dụng triệt để các vật tư thiết bị tồn kho sẵn có, các vật tư thu hồi còn tốt, có tính năng kỹ thuật tương đương để lắp đặt sử dụng cho công trình và đảm bảo tiến độ công trình được duyệt trước khi tổ chức thực hiện mua mới nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư cho dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: 11.807.653.513 đồng. Trong đó:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị (VND)
1	Chi phí hỗ trợ đền bù, GPMB	30.000.000
2	Chi phí xây dựng	1.539.914.511
3	Chi phí thiết bị	8.540.305.783
4	Chi phí quản lý dự án	210.509.130
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	621.105.023
6	Chi phí khác	303.549.851
7	Chi phí dự phòng	562.269.215
	<b>Tổng cộng</b>	<b>11.807.653.513</b>

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 - 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: vốn KHCB và vay thương mại.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thông qua Ban QLDA.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu bị thiệt hại theo thực tế.

16. Các nội dung khác (nếu có):

- Chỉ tiêu tài chính và kinh tế xã hội:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu tài chính	Chỉ tiêu kinh tế xã hội
1	Giá trị hiện tại ròng NPV	Trđ	4.547	9.722
2	Tỷ suất sinh lợi nội tại IRR	%	14,2	22,37
3	Tỷ số lợi ích/chi phí B/C		1,27	1,84

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>	<b>Chỉ tiêu kinh tế xã hội</b>
4	Thời gian hoàn vốn	Tháng	9 năm 4 tháng	6 năm 7 tháng

- Các chỉ tiêu về kỹ thuật: Chỉ số SAIDI, SAIFI trước và sau khi có dự án trong phạm vi triển khai thực hiện dự án:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Trước dự án</b>	<b>Sau dự án</b>
SAIFI (lần)	6,71	6,52
SAIDI (phút)	870,45	747,18

**Điều 2.** Giao Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Các PGĐ (để chỉ đạo);
- Phòng KHVT, KT, TCKT;
- Ban QLDA (thực hiện);
- Lưu: VT, QLDA, ĐT.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Thuận**

**BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

**Bổ sung thiết bị đóng cắt, phân đoạn và điều khiển xa khu vực các Đội quản lý điện Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, Krông Ana, Krông Bông, Lắk, Cư Kuin, Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk năm 2026**

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
<b>I</b>	<b>Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</b>		<b>30,000,000</b>		<b>30,000,000</b>	<b>G<sub>BT.TĐC</sub></b>
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>		<b>1,399,922,283</b>	<b>139,992,228</b>	<b>1,539,914,511</b>	<b>G<sub>XD</sub></b>
1	Chi phí xây dựng phần RE,LBS, TB	Bảng dự toán chi tiết	1.323.626.082	132.362.608	1.455.988.690	
1.1	+ Chi phí mua sắm vật liệu	Bảng dự toán chi tiết	783.122.984	78.312.298	861.435.282	
1.2	+ Chi phí xây dựng, lắp đặt vật liệu	Bảng dự toán chi tiết	540.503.099	54.050.310	594.553.409	
2	Chi phí đầu nối Hotline	Bảng dự toán chi tiết	76.296.201	7.629.620	83.925.821	
<b>III</b>	<b>Chi phí thiết bị</b>	<b>Bảng dự toán chi tiết</b>	<b>7.847.210.575</b>	<b>693.095.208</b>	<b>8.540.305.783</b>	<b>G<sub>TB</sub></b>
1	Chi phí mua sắm thiết bị	Bảng dự toán chi tiết	6.332.295.000	633.229.500	6.965.524.500	
2	Chi phí lắp đặt thiết bị	Bảng dự toán chi tiết	354.777.098	35.477.710	390.254.808	
3	Chi phí thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị	Bảng dự toán chi tiết	243.879.977	24.387.998	268.267.975	
4	Chi phí thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị SCADA	Bảng dự toán chi tiết	916.258.500		916.258.500	
<b>IV</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b><math>3,557\% \times (G_{xd} + G_{tb}) \times 0,8 \times 0,8</math></b>	<b>210.509.130</b>		<b>210.509.130</b>	<b>G<sub>QLĐA</sub></b>
<b>V</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>		<b>604.730.983</b>	<b>16.374.040</b>	<b>621.105.023</b>	<b>G<sub>TV</sub></b>
1	Chi phí lập BCKTKT-ĐT XD công trình	Bảng dự toán chi tiết	384.639.503	-	384.639.503	
2	Chi phí khảo sát phục vụ BCKTKT-ĐT XD	Bảng dự toán chi tiết		-	-	
3	Chi phí lựa chọn nhà thầu xây lắp	Nghị định số 24/2024/NĐ - CP ngày 27/02/2024				

3.1	Chi phí lập HSMT xây lắp	$=0,2\% \times \text{Giá gói thầu xây lắp or min 3tr}$	4.263.430	-	4.263.430	
3.2	Chi phí thẩm định HSMT xây lắp	$=0,1\% \times \text{Giá gói thầu xây lắp or min 2tr}$	2.131.715	-	2.131.715	
3.3	Chi phí đánh giá HSDT xây lắp	$=0,2\% \times \text{Giá gói thầu xây lắp or min 3tr}$	4.263.430	-	4.263.430	
3.4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu XL	$=0,1\% \times \text{Giá gói thầu xây lắp or min 3tr}$	3.000.000	-	3.000.000	
4	Chi phí lựa chọn nhà thầu cung cấp VTTB	Nghị định số 24/2024/NĐ - CP ngày 27/02/2024				
4.1	Chi phí lập HSMT mua sắm vật tư, thiết bị	$=0,2\% \times \text{Giá gói thầu mua sắm VTTB or min 3tr}$	14.230.836	-	14.230.836	
4.2	Chi phí thẩm định HSMT mua sắm VTTB	$=0,1\% \times \text{Giá gói thầu mua sắm VTTB or min 2tr}$	7.115.418	-	7.115.418	
4.3	Chi phí đánh giá HSDT mua sắm vật tư, thiết bị	$=0,2\% \times \text{Giá gói thầu mua sắm VTTB or min 3tr}$	14.230.836	-	14.230.836	
4.4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu mua sắm VTTB	$=0,1\% \times \text{Giá gói thầu mua sắm VTTB or min 3tr}$	7.115.418	-	7.115.418	
5	Chi phí thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	Bảng dự toán chi tiết	37.930.406	3.793.041	41.723.447	
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$=3,508\% \times \text{Gxd} + 1,147\% \times \text{Gtb}$	125.809.991	12.580.999	138.390.990	
<b>VI</b>	<b>Chi phí khác</b>		<b>298.363.622</b>	<b>5.186.229</b>	<b>303.549.851</b>	<b>GK</b>
6.1	Chi phí trả lãi vay	Bảng dự toán chi tiết	226.030.733	-	226.030.733	
6.2	Chi phí kiểm toán	Dự toán chi tiết	41.862.286	4.186.229	46.048.515	
6.3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	Dự toán chi tiết	12.783.350	-	12.783.350	
6.3	Lệ phí địa chính và các thủ tục cấp phép XD	Tạm tính	10.000.000	1.000.000	11.000.000	
6.4	Chi phí thẩm định BCKTKT	$(0,29\% + 0,282\%) \times \text{Gxd} \times 80\% \times 1,2$	7.687.253		7.687.253	
6.5	Chi phí nghiệm thu đóng điện	ĐM 9225/BCT $(1,6\% \times \text{Gxd}) \times 20\%$	-	-	-	
<b>VII</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	$5\% \times (1+2+3+4+5+6)$	<b>519.536.830</b>	<b>42.732.385</b>	<b>562.269.215</b>	<b>GDP</b>
<b>VIII</b>	<b>Tổng cộng(1+2+3+4+5+6+7)</b>		<b>10.910.273.423</b>	<b>897.380.090</b>	<b>11.807.653.513</b>	<b>VTM</b>

**BẢNG SO SÁNH SUẤT ĐẦU TƯ DỰ ÁN VỚI SUẤT ĐẦU TƯ CỦA EVN**  
(Theo Quyết định số 50/QĐ-EVN ngày 18/04/2022)

Stt	Hạng mục	Mã hiệu SVĐT	ĐVT	Số lượng	Suất đầu tư EVN (triệu đồng)							Kđc (hệ số khu vực)	Giá trị suất đầu tư EVN (đồng)	Tổng mức đầu tư theo EVN	Ghi chú
					Xây lắp	Vật tư (Cột, xà)	Vật tư (Dây)	Thiết bị	Lắp đặt và	Khác	Tổng				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(5+6+7+8+9+10)	(12)	(13)=(11)x(12)	(14)=(5)x(13)	
<b>I</b>	<b>Đường dây Trung áp</b>			<b>477.509</b>										<b>346,878.00</b>	
<b>ấn</b>	<b>Xây dựng mới</b>			<b>0.000</b>										<b>0.00</b>	
1	Dây 3AC240+1AC70	Đ022.3VXAs240-1VXAs185.1.1.1	Km	0	377.32	284.73	386.32	0.00	0.00	157.26	1205.63	0.92	1,109	0.00	0.00
2	Dây 3AC185	Đ022.AC185.1.1.1	Km	0	363.38	269.62	252.35	0.00	0.00	132.80	1018.15	0.9	916	0.00	0.00
3	Dây 3AC240+1AC70(mạch kép)	Đ022.AV240.2.1.1	Km	0	588.69	565.04	615.73	0.00	0.00	265.42	2034.88	0.92	1,872	0.00	
	<b>Cải tạo</b>			<b>477.509</b>										<b>346,878.00</b>	
1	Dây 3AC70+1AC50	Đ022.3VXAs95-1VXAs70.1.1.1	Km	477.51	343.67	221.12	137.08	0.00	0.00	105.28	807.15	0.9	726	346.878	0.00
<b>II</b>	<b>Đường dây Hạ áp</b>			<b>0.00</b>										<b>0.00</b>	
<b>ấn</b>	<b>XDM di chung</b>			<b>0.0</b>										<b>0.00</b>	
1	Dây ABC 4x95	Đ0,4.ABC4x95.1.1.1	Km	0.00	225.69	114.25	144.28	0.00	0.00	72.63	556.85	0.88	490	0	0.00
	<b>Cải tạo</b>			<b>0.0</b>										<b>0.00</b>	
<b>III</b>	<b>Trạm biến áp</b>			<b>0.0</b>										<b>0.00</b>	
<b>Tổng mức đầu tư theo SVĐT EVN (triệu đồng)</b>													<b>346,878</b>		
<b>Tổng mức đầu tư dự án (triệu đồng)</b>													<b>0</b>		
<b>So sánh suất đầu tư dự án với suất đầu tư EVN ban hành</b>													<b>-346,878.00</b>	<i>Thấp hơn SĐT EVN</i>	

**Ghi chú:** Tổng mức đầu tư dự án để so sánh với suất đầu tư EVN lấy giá trị trước thuế, không tính các giá trị dự phòng, lãi vay, đền bù GPMB, chi phí phục vụ thi công....